



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 08 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: Đơn vị Sinh hoá - Trung tâm Xét nghiệm

Medical Laboratory: Department of Biochemistry - Laboratory Center

Cơ quan chủ quản: Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn

Organization: Saint - Paul General Hospital

Lĩnh vực xét nghiệm: Hoá sinh

Field of medical testing: Biochemistry

Người phụ trách/ Hoàng Thu Hà

Representative: Hoang Thu Ha

Số hiệu/ Code: VILAS Med 099

Hiệu lực/ Validation: từ ngày /8/2025 đến ngày /8/2030

Địa chỉ/ Address: Số 12, Phố Chu Văn An, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội

No.12 Chu Van An Street, Ba Dinh Ward, Hanoi City

Địa điểm/Location: Trung tâm Xét nghiệm, Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn, Số 12, Phố Chu Văn An, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Medical Laboratory Center, Saint - Paul General Hospital, No.12 Chu Van An Street, Ba Dinh Ward, Hanoi City

Điện thoại/ Tel: 02438233075

Email: hahoasinh@gmail.com

Website: <http://www.bvxbnhpon.vn>

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 099

Lĩnh vực xét nghiệm: Hoá sinh

Discipline of medical testing: Biochemistry

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm (The name of medical tests)	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm (Principle/ Technical test)	Phương pháp xét nghiệm (Test method)
1.	Huyết tương (Heparin), <i>Plasma (Heparin)</i>	Định lượng Albumin <i>Quantitation of Albumin</i>	Đo quang so màu <i>Photometric Color</i>	QTKT.SH.43.07 (2025) (Beckman Coulter AU 5800; AU680)
2.		Định lượng Bilirubin toàn phần <i>Quantitation of Total Bilirubin</i>		QTKT.SH.43.27 (2025) (Beckman Coulter AU 5800; AU680)
3.		Định lượng Bilirubin trực tiếp <i>Quantitation of Direct bilirubin</i>		QTKT.SH.43.25 (2025) (Beckman Coulter AU 5800; AU680)
4.		Định lượng Cholesterol toàn phần <i>Quantitation of Total Cholesterol</i>	Enzym so màu <i>Enzymatic color</i>	QTKT.SH.43.41(2025) (Beckman Coulter AU 5800; AU680)
5.		Định lượng Triglycerid <i>Quantitation of Triglyceride</i>		QTKT.SH.43.158 (2025) (Beckman Coulter AU 5800; AU680)
6.		Định lượng Creatinin <i>Quantitation of Creatinine</i>	Động học so màu <i>Kinetic color</i>	QTKT.SH.43.51 (2025) (Beckman Coulter AU 5800; AU680)
7.		Định lượng Glucose <i>Quantitation of Glucose</i>	Động học enzym <i>Enzym kinetic</i>	QTKT.SH.43.75 (2025) (Beckman Coulter AU 5800; AU680)
8.		Định lượng AST (GOT) <i>Quantitation of Glutamat Oxaloacetat Transaminase</i>		QTKT.SH.43.20 (2025) (Beckman Coulter AU 5800; AU680)
9.		Định lượng ALT (GPT) <i>Quantitation of Glutamic pyruvic Transaminase</i>		QTKT.SH.43.19 (2025) (Beckman Coulter AU 5800; AU680)
10.		Định lượng Ure <i>Quantitation of Ure</i>		QTKT.SH.43.166 (2025) (Beckman Coulter AU 5800; AU680)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 099

Ghi chú/ Note:

- QTKT.SH....: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Đơn vị Sinh hoá - Trung tâm Xét nghiệm, Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Medical Laboratory Center - Biochemistry Unit, Saint - Paul General Hospital that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*